

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

QUỸ HỮU TRÍ BỔ SUNG TỰ NGUYỆN MB THỊNH VƯỢNG

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026
(đã được soát xét)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY
AND ACCOUNTING NETWORK

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	02-03
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	04-09
Báo cáo của Ngân hàng giám sát	10
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	11
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	12-38
Báo cáo thu nhập giữa niên độ	12
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	13-14
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ	15
Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ	16
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	17
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	18-38

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện MB Thịnh Vượng (“Quỹ”) trình bày báo cáo này và phê duyệt báo cáo tài chính của Quỹ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026.

QUỸ

Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện MB Thịnh Vượng thành lập tại Việt Nam theo thông báo Thành lập Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện MB Thịnh Vượng số 411/TB-MBC ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB. Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện số 03/GCN-QLQHTBSTN ngày 09 tháng 07 năm 2021 của Bộ tài chính. Quỹ hoạt động tuân thủ theo Nghị định số 88/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện, Thông tư số 86/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định 88/2016/NĐ-CP ngày 01 năm 07 năm 2016 của Chính phủ về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện được thay thế bởi Nghị định số 85/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ, Thông tư số 19/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xây dựng văn bản thỏa thuận tham gia chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện tại doanh nghiệp, Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Quỹ là quỹ tài chính để thực hiện chương trình hưu trí, được hình thành từ sự đóng góp của người tham gia quỹ và người sử dụng lao động, nằm trong chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB cung cấp.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ tại: Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện MB Thịnh Vượng được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (sau đây được gọi tắt là “Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB là công ty con của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 21/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2007, giấy phép điều chỉnh gần nhất số 71/GPDC-UBCK cấp ngày 30 tháng 09 năm 2024 và được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện số 53/GPĐC-UBCK cấp ngày 28 tháng 6 năm 2023.

BAN ĐẠI DIỆN VÀ BAN ĐIỀU HÀNH QUỸ

Các thành viên của Ban đại diện trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà: Nguyễn Thị Thanh Nga	Chủ tịch
Bà: Đặng Minh Huyền	Thành viên
Bà: Trần Thị Bích Thuận	Thành viên

Các thành viên của Ban điều hành Quỹ trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Bạch Thế Phong	Giám đốc Đầu tư
Bà: Bùi Thị Trang Nhung	Giám đốc Đầu tư

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 09 năm 2003 thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 06 năm 2020 và Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01 tháng 08 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan. Ngân hàng giám sát được chỉ định theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ giám sát số 01/HDGS/BIDV - MBCapital ngày 16 tháng 07 năm 2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB

QUỸ HỮU TRÍ BỔ SUNG TỰ NGUYỄN MB THỊNH VƯỢNG

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB ("Công ty Quản lý Quỹ") chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hưu trí và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết với Ban Đại diện Quỹ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CAM KẾT KHÁC

Chúng tôi cam kết rằng Công ty chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đó, chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm, trên cơ sở cam kết của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng với quỹ hưu trí và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ 


Nguyễn Thị Thanh Nga

Chủ tịch Ban đại diện

Hà Nội, 29 tháng 07 năm 2026

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1 . THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ HƯU TRÍ BỔ SUNG TỰ NGUYỆN MB THỊNH VƯỢNG

1.1 . Mục tiêu của Quỹ

Đầu tư tích lũy bên cạnh bảo hiểm xã hội bắt buộc, giúp tăng thu nhập của người lao động khi đến tuổi nghỉ hưu. Nhà nước khuyến khích phát triển chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện thông qua các chính sách ưu đãi quy định tại pháp luật về thuế.

Gia tăng gắn kết giữa người lao động và người sử dụng lao động.

Là công cụ được hưởng miễn, giảm thuế cho người lao động và người sử dụng lao động.

Gia tăng tài sản tiết kiệm.

Tạo thói quen tích lũy, nâng cao tỷ lệ tiết kiệm.

1.2 . Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính của Quỹ đã được soát xét, tính đến kỳ báo cáo, giá trị tài sản ròng ("NAV") của Quỹ tăng 24,77% so với giá trị tài sản ròng của Quỹ tại đầu kỳ báo cáo; NAV trên 1 đơn vị chứng chỉ Quỹ ("CCQ") của Quỹ tăng 2,93% so với giá trị đầu kỳ báo cáo.

1.3 . Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Chiến lược đầu tư

Mục tiêu chính của Quỹ MB Thịnh Vượng là hướng tới việc phân bổ danh mục hiệu quả nhằm đạt được lợi nhuận tối ưu cho người tham gia quỹ. Các tài sản được đầu tư của Quỹ bao gồm Trái phiếu, các công cụ có thu nhập cố định và chứng khoán đảm bảo tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Quỹ. Cơ cấu đầu tư của Quỹ dự kiến tối thiểu 50% tổng tài sản vào trái phiếu chính phủ và các tài sản có thu nhập cố định, tối đa 50% tổng tài sản vào chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán cổ phiếu.

Các loại tài sản được phép đầu tư

Các loại tài sản mà Quỹ được đầu tư bao gồm:

- Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại được thành lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và không thuộc diện tái cơ cấu hoặc kiểm soát, giám sát đặc biệt; không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ;
- Trái phiếu Chính phủ; trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; trái phiếu chính quyền địa phương;
- Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán.

1.4 . Mức độ rủi ro ngắn hạn

Chiến lược đầu tư của Quỹ tập trung đầu tư vào thị trường các công cụ nợ có mức độ rủi ro thấp. Bên cạnh đó, rủi ro của danh mục đầu tư sẽ được giảm thiểu bằng việc đầu tư nhiều công cụ nợ khác nhau phù hợp với chiến lược đầu tư của Quỹ.

1.5 . Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện MB Thịnh Vượng là Quỹ Tài chính để thực hiện chương trình hưu trí trong chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB theo thông báo thành lập Quỹ số 411/TB-MBC ngày 19 tháng 07 năm 2021 và hoạt động theo quy định tại Nghị định số 88/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính Phủ về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện được thay thế bởi Nghị định số 85/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ và các quy định pháp luật có liên quan;

Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ HỮU TRÍ BỔ SUNG TỰ NGUYỄN MB THỊNH VƯỢNG
 Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

1.6 . Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 153.227.737.800 VND, tương đương với 15.322.774,78 chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ là 200.983.072.278 VND.

1.7 . Chỉ số tham chiếu

Không áp dụng.

1.8 . Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận của Quỹ.

Đối với khoản đóng góp: Theo quy định của pháp luật về thuế hiện hành, chi phí được trừ vào thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần đóng góp vào chương trình hưu trí của người sử dụng lao động cho người lao động tối đa 03 triệu VND/người/tháng; mức đóng được trừ ra khoản thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập cá nhân tối đa 01 triệu VND/tháng.

Đối với khoản chi trả:

- Người lao động nhận chi trả sau khi đủ tuổi nghỉ hưu và nhận chi trả hàng tháng trong thời gian ít nhất 120 tháng thì được miễn hoàn toàn thuế thu nhập cá nhân;
- Người lao động nhận chi trả khi chưa đủ tuổi nghỉ hưu hoặc nhận chi trả trong thời gian ít hơn 120 tháng khi đủ tuổi nghỉ hưu thì áp dụng mức thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật về thuế tại thời điểm chi trả.

2 . SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

2.1 . Cơ cấu tài sản của Quỹ

	30/06/2026 %	30/06/2025 %	30/06/2024 %
1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	0,07%	0,19%	0,41%
2. Trái phiếu niêm yết	51,81%	50,87%	52,02%
3. Chứng chỉ quỹ	11,38%	14,39%	10,01%
4. Tài sản khác	36,75%	34,55%	37,56%
	100%	100%	100%

2.2 . Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	ĐVT	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	VND	200.983.072.278	127.894.218.841	85.920.215.220
Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	CCQ	15.322.773,78	10.359.594,76	7.334.597,76
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ quỹ	VND	13.117	12.345	11.714
Giá trị tài sản ròng cao nhất của một đơn vị CCQ trong kỳ	VND	13.117	12.345	11.746
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của một đơn vị CCQ trong kỳ	VND	12.763	11.923	11.347
Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ	%	0,35%	0,54%	0,31%
Tốc độ vòng quay danh mục	%	5,75%	4,96%	4,86%

2.3 . Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm
	%	%
1 năm đến thời điểm báo cáo	6,26%	6,26%
3 năm đến thời điểm báo cáo	20,30%	6,36%
Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo	31,17%	5,64%

2.4 . Tăng trưởng hàng kỳ

Thời kỳ	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	2,93%	3,13%	3,65%

3 . MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

3.1 Tình hình kinh tế vĩ mô

GDP quý II tăng khoảng 8,39% so với cùng kỳ, cao hơn mức 7,94% của quý I/2026 và cao hơn đáng kể so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2026, CPI bình quân tăng 4,38% so với cùng kỳ năm trước. Tính đến cuối tháng 6 năm 2026, FDI đăng ký đạt 34,65 tỷ USD, tăng 61,0% so với cùng kỳ năm 2025, FDI giải ngân tăng 11,2% lên 13,03 tỷ USD.

Giá trị giải ngân mới vốn đầu tư công từ đầu năm ước đạt khoảng 320.000 tỷ đồng, hoàn thành khoảng 30% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao cả năm.

PMI ngành sản xuất Việt Nam trong tháng 6/2026 giảm nhẹ xuống 51,8 điểm từ mức 52,8 điểm của tháng 5/2026.

Dư nợ tín dụng toàn nền kinh tế tính đến cuối tháng 6/2026 tăng trưởng khoảng 9,9% so với cuối năm trước, cho thấy tín dụng tiếp tục được mở rộng để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

Cán cân thương mại 6 tháng đầu năm 2026 nhập siêu khoảng 15,4 tỷ USD.

3.2 Tình hình thị trường trái phiếu

Tổng giá trị Trái phiếu Chính phủ phát hành thông qua đấu thầu trong 6 tháng đầu năm 2026 là 182.386 tỷ đồng, đạt 36,5% kế hoạch cả năm (500.000 tỷ đồng). Trong đó, giá trị Trái phiếu Chính phủ phát hành trong quý II đạt 93% kế hoạch quý (110.000 tỷ đồng).

Lợi suất Trái phiếu Chính phủ Việt Nam có xu hướng tăng ở tất cả các kỳ hạn.

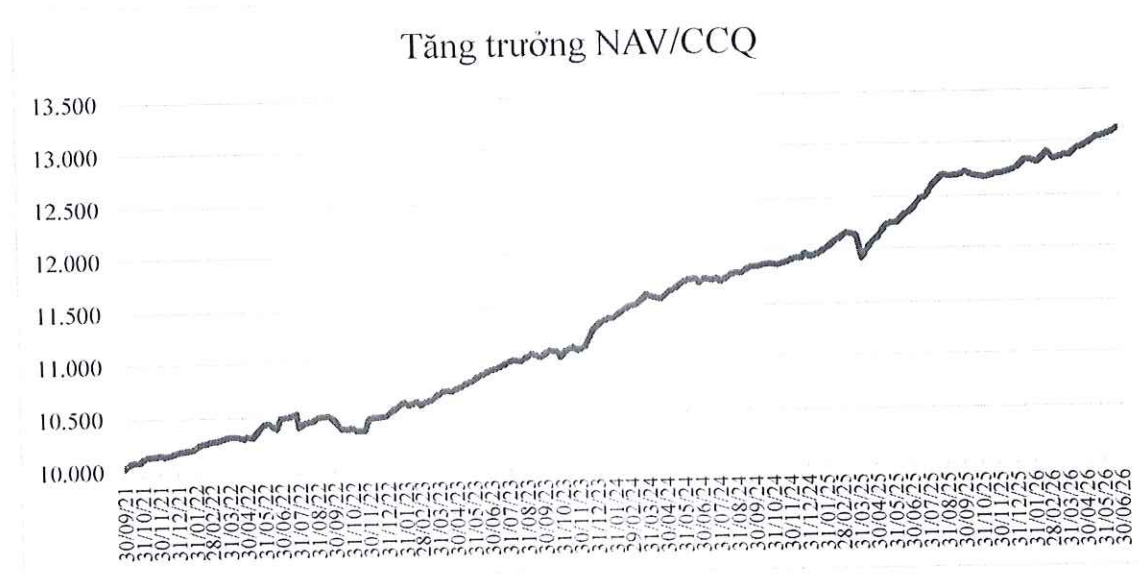
Theo dữ liệu VBMA tổng hợp từ HNX và SSC, trong 6 tháng đầu năm 2026, giá trị phát hành riêng lẻ Trái phiếu Doanh nghiệp là 187.915 tỷ đồng và giá trị phát hành ra công chúng là 24.833 tỷ đồng.

4 . SỐ LIỆU CHI TIẾT HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

4.1 . Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

	1 năm đến thời điểm báo cáo	3 năm đến thời điểm báo cáo	Từ thời điểm thành lập đến thời điểm báo cáo
	%	%	%
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	4,08%	13,68%	23,88%
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	2,17%	6,61%	7,29%
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	6,25%	20,30%	31,17%
Tăng trưởng hàng năm (%) /1 đơn vị CCQ	6,25%	6,35%	5,63%

Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ từ khi thành lập đến ngày 30/06/2026 như sau:



Thay đổi giá trị tài sản ròng

	30/06/2026	30/06/2025	Tỷ lệ thay đổi
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	200.983.072.278	127.894.218.841	57,15%
Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị CCQ	13.117	12.345	6,25%

4.2 . Thống kê về Nhà Đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo

Quy mô nắm giữ (đơn vị)	Số lượng Nhà Đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ nắm	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	1.279	2.894.113,13	18,89%
Từ 5.000 đến 10.000	229	1.644.163,48	10,73%
Từ trên 10.000 đến 50.000	449	8.788.483,83	57,36%
Từ trên 50.000 đến 500.000	27	1.996.013,34	13,03%
	1.984	15.322.773,78	100%

5 . THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi kỳ vọng đà tăng trưởng GDP tích cực cùng các chỉ tiêu vĩ mô ổn định trong 6 tháng đầu năm 2026 sẽ tiếp tục hỗ trợ hoạt động đầu tư và nhu cầu huy động vốn trung, dài hạn. Trong bối cảnh tăng trưởng tín dụng duy trì ở mức cao, thị trường trái phiếu được kỳ vọng sẽ tiếp tục được thúc đẩy nhằm đa dạng hóa nguồn vốn và giảm phụ thuộc vào tín dụng ngân hàng. Thị trường trái phiếu doanh nghiệp nhiều khả năng sẽ duy trì đà phục hồi trong nửa cuối năm 2026. Trái phiếu ngân hàng vẫn là nhóm phát hành chủ đạo, trong khi doanh nghiệp bất động sản, chứng khoán và sản xuất được kỳ vọng gia tăng huy động vốn. Lãi suất phát hành dự kiến duy trì ở mức cao, phù hợp với xu hướng tăng của mặt bằng lãi suất trên thị trường.

6 . THÔNG TIN KHÁC

Đội ngũ quản lý quỹ

Ông Bạch Thế Phong
Giám đốc Đầu tư

Ông Bạch Thế Phong có gần 13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư chứng khoán. Gia nhập Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB vào năm 2015, ông từng đảm nhiệm vị trí Trưởng Bộ phận Tư vấn Đầu tư. Ông Phong là thành viên Hiệp hội CFA (CFA Charter Holder), thành viên của cộng đồng CFA Singapore từ năm 2019.

Bà Bùi Thị Trang Nhung
Giám đốc Đầu tư

Bà Bùi Thị Trang Nhung có hơn 11 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư chứng khoán. Gia nhập Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ MB từ năm 2015 với vị trí chuyên viên phân tích đầu tư cao cấp và trợ lý quản lý danh mục đầu tư, hiện bà Nhung phụ trách hoạch định, đề xuất chiến lược và giải pháp đầu tư. Bà Nhung là thành viên hiệp hội các nhà đầu tư phân tích tài chính (CFA Charter Holder) từ năm 2019.

Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư MB

Ông Chu Hồng Kiên
Tổng Giám đốc

Ông Chu Hồng Kiên có hơn 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính, Ngân hàng. Trước khi gia nhập MB Capital, ông Kiên từng là Giám đốc Chi nhánh Thủ Đức - Ngân hàng TMCP Quân đội.

Ông Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc

Ông Giang Trung Kiên có trên 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng - Đầu tư. Trước khi gia nhập MB Capital trong vai trò Giám đốc Phân tích, ông Kiên là Giám đốc Phân tích đầu tư của Công ty Chứng khoán FPT và chuyên viên cao cấp phòng Dự án của Ngân hàng Công thương Việt Nam. Ông Kiên có bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh của trường Đại học Deakin (Melbourne, Australia) và chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ do UBCKNN cấp.

Ông Giang Trung Kiên hiện đang là Thành viên Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (PGC).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ HỮU TRÍ BỔ SUNG TỰ NGUYỆN MB THỊNH VƯỢNG
Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

Ban Đại diện Quỹ

Bà Nguyễn Thị Thanh Nga
Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ

Bà Nguyễn Thị Thanh Nga tốt nghiệp Thạc sỹ Quản lý kinh tế Đại học Kinh tế Quốc dân. Bà Nga có nhiều năm kinh nghiệm trong hoạt động Ngân hàng và từng đảm nhiệm nhiều vị trí chủ chốt và có nhiều đóng góp với MB như Phó Giám đốc Khối Quản trị rủi ro, Phó Giám đốc Khối Thẩm định và phê duyệt tín dụng, Giám đốc Khối Đầu tư, Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas. Tháng 02/2019 Bà Nga được bổ nhiệm Giám đốc Tài chính phụ trách Khối Tài chính Kế toán, thực hiện nhiệm vụ Giám đốc Tài chính của Ngân hàng TMCP Quân Đội.

Bà Đặng Minh Huyền
Thành viên Ban Đại diện Quỹ

Gia nhập Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB) từ năm 2007, Bà Đặng Minh Huyền có hơn 18 năm kinh nghiệm làm việc tại MB và đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như Phó Phòng Quản lý tín dụng, Trưởng bộ phận thẩm định SME Khối quản trị rủi ro, Phó Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị. Năm 2017, Bà Huyền được bổ nhiệm làm thành viên Ban đại diện Quỹ đầu tư Japan Asia MB Capital (JAMBF) và tham gia vào hội đồng đầu tư của Quỹ JAMBF. Hiện nay, Bà Huyền đang giữ chức Giám đốc nhân sự, Khối Tổ chức nhân sự MB.

Bà Trần Thị Bích Thuận
Thành viên Ban Đại diện Quỹ

Bà Trần Thị Bích Thuận tốt nghiệp cử nhân Kinh tế đối ngoại tại Đại học Ngoại thương và có bằng Thạc sỹ quản lý tài chính của Đại học Bordeaux - Pháp, Chứng chỉ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán do Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Bà Thuận có nhiều năm kinh nghiệm làm việc tại Khối Nguồn Vốn và Kinh doanh tiền tệ của Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB). Bà Trần Thị Bích Thuận hiện là Phó Tổng Giám đốc Công ty tài chính tín dụng tiêu dùng TNHH MB Shinsei.



Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
Hà Nội, 29 tháng 07 năm 2026

Quỹ Hưu Trí Bổ Sung Tự nguyện MB Thịnh Vượng

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quỹ Hưu Trí Bổ Sung Tự nguyện MB Thịnh Vượng tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 và cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026. Với sự hiểu biết của chúng tôi thì giai đoạn này, Quỹ Hưu Trí Bổ Sung Tự nguyện MB Thịnh Vượng đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Việc lưu ký tài sản của quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan;
- b) Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch, các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ hưu trí và văn bản pháp luật liên quan.
 - Tại ngày định giá 12/02/2026, do thực hiện quyền nhận lãi trái tức của trái phiếu và thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ chưa đáp ứng tỷ trọng đầu tư vào Trái phiếu chính phủ tối thiểu bằng 50% trong Tổng giá trị tài sản Quỹ theo quy định tại Khoản 4, Điều 20 Nghị định 88/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 và Khoản 2a, Điều 6 Điều lệ Quỹ.
Tại ngày định giá 26/02/2026, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã đảm bảo tỷ lệ theo quy định.
 - Từ ngày định giá 14/05/2026 đến ngày định giá 01/07/2026, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ chưa đáp ứng quy định tỷ trọng giá trị đầu tư tiền gửi tại Tổ chức phát hành là Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng tối đa bằng 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ quy định tại Điểm d, Khoản 4, Điều 19 Nghị định 85/2026/NĐ-CP ngày 25/03/2026.
- c) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Việc đóng góp/chi trả đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- e) Trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2026

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Bà Lê Mỹ Linh
Phó Giám đốc

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT



Ông Nguyễn Ngọc Vinh
Chuyên viên

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Nhà đầu tư và Ban đại diện
Quý hưu trí bổ sung tự nguyện MB Thịnh Vượng

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Quý hưu trí bổ sung tự nguyện MB Thịnh Vượng được lập 29 tháng 07 năm 2026, từ trang 12 đến trang 38, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Báo cáo thu nhập giữa niên độ, Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB là Công ty Quản lý Quỹ, chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ hưu trí và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính và danh mục đầu tư giữa niên độ của Quý hưu trí bổ sung tự nguyện MB Thịnh Vượng tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quý cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hưu trí và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0725-2023-002-1

Hà Nội, 30 tháng 07 năm 2026

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
			VND	VND
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		5.622.823.573	4.038.176.242
02	1.1 Cổ tức, trái tức được chia	3	1.905.112.270	1.214.690.256
03	1.2 Tiền lãi được nhận	4	2.165.481.599	1.127.259.789
05	1.3 Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	1.552.229.704	1.696.226.197
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		2.375.483	1.235.645
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	6	2.375.483	1.235.645
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ HỮU TRÍ		312.669.533	313.491.481
20.2	3.1 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ		60.918.508	60.580.139
20.3	3.2 Phí dịch vụ giám sát		66.000.000	66.000.000
20.4	3.3 Phí dịch vụ quản trị quỹ		66.000.000	66.000.000
20.5	3.4 Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng		99.000.000	99.000.000
20.8	3.5 Chi phí kiểm toán		19.835.616	21.075.342
20.10	3.6 Chi phí hoạt động khác	7	915.409	836.000
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		5.307.778.557	3.723.449.116
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		-	-
24.1	5.1 Thu nhập khác		-	-
24.2	5.2 Chi phí khác		-	-
30	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		5.307.778.557	3.723.449.116
31	6.1 Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện		3.755.548.853	2.027.222.919
32	6.2 Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện		1.552.229.704	1.696.226.197
40	VII. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")		-	-
41	VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		5.307.778.557	3.723.449.116


Nguyễn Thị Sao Mai
Người lập


Phạm Thị Thu Hương
Kế toán trưởng


Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
Hà Nội, 29 tháng 07 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2026 VND	31/12/2025 VND
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	8	131.994.680	2.548.881.232
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ		131.994.680	2.548.881.232
120	2. Các khoản đầu tư thuần	9	196.606.439.694	154.690.418.394
121	2.1 Các khoản đầu tư		196.606.439.694	154.690.418.394
121	2.1.1 Các khoản đầu tư trái phiếu		104.199.083.817	83.745.863.021
121	2.1.2 Chứng chỉ quỹ		22.877.355.877	20.914.555.373
121	2.1.3 Tiền gửi có kỳ hạn lớn hơn 3 tháng		69.530.000.000	50.030.000.000
130	3. Các khoản phải thu	10	4.376.799.223	4.437.165.393
133	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		4.376.799.223	4.437.165.393
136	3.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		4.376.799.223	4.437.165.393
100	TỔNG TÀI SẢN		201.115.233.597	161.676.465.019
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2026 VND	31/12/2025 VND
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
314	1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		4.657.913	23.417.692
316	2. Chi phí phải trả	11	19.835.616	20.000.000
317	3. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	12	59.000.000	56.000.000
318	4. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ	13	-	311.212.785
319	5. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	14	48.667.790	177.127.458
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		132.161.319	587.757.935
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ	15	200.983.072.278	161.088.707.084
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		153.227.737.800	126.404.487.700
412	1.1 Vốn góp phát hành		169.712.283.600	139.941.545.500
413	1.2 Vốn góp mua lại		(16.484.545.800)	(13.537.057.800)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		24.989.192.434	17.225.855.897
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	16	22.766.142.044	17.458.363.487
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ		13.117	12.744

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026
(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2026	31/12/2025
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	20	15.322.773,78	12.640.448,77

Nguyễn Thị Sao Mai
Người lập

Phạm Thị Thu Hương
Kế toán trưởng



Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
Hà Nội, 29 tháng 07 năm 2026

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

STT	CHỈ TIÊU	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
		VND	VND
I.	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (NAV) đầu kỳ	161.088.707.084	104.970.463.679
II.	Thay đổi NAV trong kỳ	5.307.778.557	3.723.449.116
	Trong đó:		
II.1	Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong kỳ	5.307.778.557	3.723.449.116
II.2	Thay đổi NAV do phân chia lợi nhuận/Tài sản của Quỹ cho nhà đầu tư trong kỳ	-	-
III.	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ (III=III.1-III.2)	34.586.586.637	19.200.306.046
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ	38.396.764.838	20.687.276.704
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ	3.810.178.201	1.486.970.658
IV.	Giá trị tài sản ròng của Quỹ cuối kỳ (IV= I+II+III)	200.983.072.278	127.894.218.841



Nguyễn Thị Sao Mai
 Người lập



Phạm Thị Thu Hương
 Kế toán trưởng



Giang Trung Kiên
 Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
 Hà Nội, 29 tháng 07 năm 2026

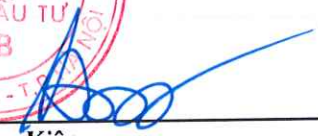
BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

STT	Loại	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30/06/2026	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ trên Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ %
I	Cổ phiếu chưa niêm yết/ đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ không niêm yết				
	Chứng chỉ quỹ				
1	BMFF	118.812,84	16.475	1.957.441.539	0,97%
2	MBVF	754.877,29	27.713	20.919.914.338	10,41%
	Tổng	873.690,13		22.877.355.877	11,38%
II	Trái phiếu niêm yết				
1	TD1727396	28.500,00	102.188,47	2.912.371.404	1,45%
2	TD1828113	177.596,00	110.436,30	19.613.044.487	9,75%
3	TD1934189	52.270,00	113.326,96	5.923.600.199	2,95%
4	TD1934191	144.858,00	113.332,66	16.417.142.341	8,16%
5	TD2232114	72.200,00	112.996,93	8.158.378.003	4,06%
6	TD2333116	48.000,00	102.437,90	4.917.019.041	2,44%
7	TD2333117	59.500,00	105.380,12	6.270.116.931	3,12%
8	TD2338131	17.500,00	112.341,56	1.965.977.329	0,98%
9	TD2338132	347.185,00	109.513,47	38.021.434.082	18,90%
	Tổng	947.609,00		104.199.083.817	51,81%
III	Các tài sản khác				
1	Dự thu lãi trái phiếu			2.165.251.619	1,08%
2	Dự thu lãi tiền gửi			2.211.547.604	1,10%
3	Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng			69.530.000.000	34,57%
	Tổng			73.906.799.223	36,75%
IV	Tiền				
1	Tiền gửi không kỳ hạn			131.994.680	0,07%
	Tổng			131.994.680	0,07%
V	Tổng giá trị danh mục			201.115.233.597	100%


Nguyễn Thị Sao Mai
Người lập


Phạm Thị Thu Hương
Kế toán trưởng


Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
Hà Nội, 29 tháng 07 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	1. Tiền đã chi mua các khoản đầu tư		(69.695.694.500)	(28.097.044.710)
02	2. Tiền đã thu từ bán các khoản đầu tư		29.100.000.000	6.235.000.000
04	4. Tiền lãi đã thu		4.362.862.943	2.584.077.122
06	5. Tiền chi trả phí cho hoạt động Quỹ		(441.293.585)	(373.718.813)
08	6. Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các khoản đầu tư (phí môi giới)		(2.375.483)	(1.235.645)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(36.676.500.625)	(19.652.922.046)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
21	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ		38.399.764.838	20.680.276.704
22	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ		(4.140.150.765)	(1.341.044.197)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		34.259.614.073	19.339.232.507
40	III. TĂNG/GIẢM TIỀN THUẦN TRONG KỲ		(2.416.886.552)	(313.689.539)
50	IV. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	8	2.548.881.232	562.509.860
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ		2.548.881.232	562.509.860
52	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ		2.181.668.447	499.509.860
53	Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán Chứng chỉ Quỹ		367.212.785	63.000.000
55	V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	8	131.994.680	248.820.321
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ		131.994.680	248.820.321
57	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ		72.994.680	47.590.183
58	Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán Chứng chỉ Quỹ		59.000.000	201.230.138
60	VI. CHÊNH LỆCH TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TRONG KỲ		(2.416.886.552)	(313.689.539)


Nguyễn Thị Sao Mai
Người lập biểu


Phạm Thị Thu Hương
Kế toán trưởng


Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
Hà Nội, 29 tháng 07 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ *cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026*

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 . Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện MB Thịnh Vượng thành lập tại Việt Nam theo thông báo Thành lập Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện MB Thịnh Vượng số 411/TB-MBC ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB. Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện số 03/GCN-QLQHTBSTN ngày 09 tháng 07 năm 2021 của Bộ tài chính. Quỹ hoạt động tuân thủ theo Nghị định số 88/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện, Thông tư số 86/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định 88/2016/NĐ-CP ngày 01 năm 07 năm 2016 của Chính phủ về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện được thay thế bởi Nghị định số 85/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ, Thông tư số 19/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xây dựng văn bản thỏa thuận tham gia chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện tại doanh nghiệp, Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Quỹ là quỹ tài chính để thực hiện chương trình hưu trí, được hình thành từ sự đóng góp của người tham gia quỹ và người sử dụng lao động, nằm trong chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB cung cấp.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ tại: Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện MB Thịnh Vượng được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (sau đây được gọi tắt là "Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB là công ty con của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 21/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2007, giấy phép điều chỉnh gần nhất số 71/GPĐC-UBCK cấp ngày 30 tháng 09 năm 2024 và được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện số 53/GPĐC-UBCK cấp ngày 28 tháng 6 năm 2023.

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 09 năm 2003 thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 06 năm 2020 và Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01 tháng 08 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan. Ngân hàng giám sát được chỉ định theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ giám sát số 01/HDGS/BIDV - MBCapital ngày 16 tháng 07 năm 2021.

1.2 . Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu chính của Quỹ MB Thịnh Vượng là hướng tới việc phân bổ hiệu quả nhằm đạt được lợi nhuận tối ưu cho người tham gia Quỹ. Các tài sản được đầu tư của Quỹ bao gồm Trái phiếu, các công cụ có thu nhập cố định và chứng khoán đảm bảo tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Quỹ. Cơ cấu đầu tư của Quỹ dự kiến tối thiểu 50% tổng tài sản vào trái phiếu chính phủ và các tài sản có thu nhập cố định, tối đa 50% tổng tài sản vào chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán cổ phiếu.

1.3 . Kỳ tính giá trị tài sản ròng

Ngày định giá

Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định vào ngày giao dịch chứng chỉ quỹ và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo cho việc định giá để làm báo cáo tháng, quý, năm (nếu có).

Ngay sau khi Ngân hàng Giám sát xác nhận việc xác định Giá trị Tài sản Ròng và Giá trị Tài sản Ròng trên một chứng chỉ quỹ là phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ, Giá trị Tài sản Ròng và Giá trị Tài sản Ròng trên một chứng chỉ quỹ sẽ được công bố công khai cho người tham gia quỹ theo quy định hiện hành.

1.4 . Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Nhà đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ vào ngày Thứ Năm, tuần thứ Hai và thứ Tư trong tháng. Nếu ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ định kỳ nêu trên trùng vào ngày nghỉ lễ, Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo trước về ngày giao dịch kế tiếp và thời điểm đóng sổ lệnh chi tiết trên trang web của Công ty Quản lý Quỹ. Tần suất giao dịch không ít hơn một (01) lần trong một (01) tháng.

1.5 . Hạn chế đầu tư

Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện MB Thịnh Vượng sẽ tuân theo các hạn chế đầu tư sau đây:

- Tỷ trọng giá trị đầu tư trái phiếu chính phủ (bao gồm cả khoản đầu tư trái phiếu Chính phủ thông qua chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán) tối thiểu bằng 50% trong tổng giá trị tài sản quỹ hưu trí;
- Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ của một quỹ đầu tư chứng khoán.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế quy định trên và chỉ do các nguyên nhân khách quan sau:

- Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
- Thực hiện lệnh giao dịch của Người tham gia quỹ;
- Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ;
- Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Báo cáo, công bố thông tin và điều chỉnh lại cơ cấu đầu tư của Quỹ

- Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân nêu trên, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định về hạn chế đầu tư;
- Trường hợp sai lệch là do Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI QUỸ

2.1 . Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 . Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.3 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) và được lập phù hợp với Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ; Thông tư số 98/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và Thông tư số 136/2025/TT-BTC Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98/2020/TT-BTC; Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và Nghị định số 88/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện được thay thế bởi Nghị định số 85/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ; Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; Thông tư số 86/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15/8/2017 về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định 88/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện được thay thế bởi Nghị định số 85/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ; Thông tư số 19/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xây dựng văn bản thỏa thuận tham gia chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện tại doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Theo Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập;
2. Báo cáo tình hình tài chính;
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ;
4. Báo cáo danh mục đầu tư;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
6. Thuyết minh báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Quỹ đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ khẳng định rằng báo cáo tài chính này tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ.

Hình thức kế toán áp dụng

Quỹ áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Các ước tính kế toán lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ và được đánh giá là hợp lý với các giả định hiện tại.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng, có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua và không bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được khoản đầu tư. Các chi phí phát sinh này được hạch toán vào báo cáo thu nhập.

Đối với khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận, tách biệt khỏi giá gốc, trên khoản mục “Phải thu và dự thu cổ tức, lãi tiền gửi các khoản đầu tư” chưa đến ngày nhận trên Báo cáo tình hình tài chính.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục “Các khoản đầu tư” trên Báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc sau:

- Tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận theo giá gốc;
- Trái phiếu niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, trái phiếu được ghi nhận tại khoản mục “Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư” trên báo cáo tình hình tài chính.

Định giá lại cho mục đích xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

Nguyên tắc định giá

Các khoản đầu tư Quỹ hiện đang nắm giữ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định tại Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán và Điều lệ, Bản cáo bạch và Sổ tay định giá của Quỹ, cụ thể:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền tại ngày trước ngày định giá.
2.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
Trái phiếu		
3.	Trái phiếu niêm yết	Giá yết (giá sạch) bình quân gia quyền trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá mà không có biến động bất thường cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; Biến động bất thường của giá Trái phiếu: - Giá trái phiếu có biến động bất thường là giá có chênh lệch tuyệt đối quá 1% so với giá của kỳ định giá gần nhất hoặc giá mua trong trường hợp không có giá của kỳ định giá gần nhất. Trường hợp không có giao dịch mua bán thông thường (outright) nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá hoặc chỉ có giao dịch với giá có biến động bất thường theo quy định tại Sở tay định giá và đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản, giá được sử dụng theo thứ tự ưu tiên sau: - Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá 03 tháng tính đến ngày định giá; - Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá. Đối với trái phiếu bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch: - Trái phiếu được định giá theo mệnh giá của trái phiếu cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước định giá.
4.	Quỹ, Quỹ thành viên	Giá trị tài sản ròng/ chứng chỉ quỹ của ngày có giao dịch/ngày định giá gần nhất trước ngày định giá; Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, thì được xác định theo thứ tự ưu tiên sau đây: - Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá; - Giá mua trung bình.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư được chấm dứt khi quyền được ghi nhận luồng tiền từ khoản đầu tư đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu các khoản đầu tư.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

2.7 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi Ngân hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Quỹ dự kiến không có khả năng thu hồi theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ trên báo cáo thu nhập.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019. Cụ thể:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

2.8 . Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban đại diện quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và các khoản phải trả khác.

2.9 . Vốn chủ sở hữu

Lệnh đăng ký đóng góp

Lệnh đóng góp phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các nhà đầu tư đóng góp vào Quỹ theo phương thức mua chứng chỉ quỹ trong các lần giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi quỹ thành lập.

Lệnh đóng góp được phản ánh theo mệnh giá.

Lệnh chi trả/chuyển đổi

Lệnh chi trả phản ánh tình hình mua lại chứng chỉ quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi Quỹ thành lập.

Lệnh chi trả được phản ánh theo mệnh giá.

Thặng dư Lệnh đóng góp của Nhà đầu tư

Thặng dư lệnh đóng góp/ chi trả thể hiện chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ và mệnh giá đối với các chứng chỉ quỹ được đóng góp/ chi trả.

Thặng dư vốn bao gồm: Thặng dư lệnh đóng góp và thặng dư lệnh chi trả.

- Thặng dư lệnh đóng góp là chênh lệch giữa giá đóng góp chứng chỉ quỹ và mệnh giá
- Thặng dư lệnh chi trả là chênh lệch giữa giá chứng chỉ Quỹ chi trả và mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu, sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch do đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

2.10. Giá trị tài sản ròng của Quỹ và Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ

Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản của Quỹ (trong trường hợp không xác định được giá trị thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng của Quỹ phải được xác định định kỳ vào ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo cho việc định giá để làm báo cáo tháng, quý, năm (nếu có) được quy định tại Điều lệ Quỹ và phải được công bố công khai theo quy định của pháp luật về công bố thông tin công khai cho người tham gia quỹ theo quy định hiện hành.

Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc tại Thuyết minh 2.6.

Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ

Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng trên Báo cáo tình hình tài chính của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và được làm tròn đến hàng đơn vị.

2.11. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế mà giá trị có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi và lãi trái phiếu)

Tiền lãi được ghi nhận là doanh thu trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Lãi từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ các Công ty chứng khoán và Ngân hàng giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

2.12. Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu bao gồm:

Giá dịch vụ quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ ()*

Giá dịch vụ quản lý là 1,2%/năm tính trên tổng Giá trị Tài sản ròng của Quỹ trước ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ vào ngày định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện các dịch vụ quản lý quỹ đầu tư cho Quỹ. Số tiền dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền được tính và trích lập cho các kỳ định giá trong tháng. Giá dịch vụ quản lý được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ quản lý = 1,2% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Giá trị tài sản ròng tính phí quản lý = Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ – phần giá trị tài sản của khoản đầu tư vào các quỹ đầu tư do Công ty quản lý quỹ quản lý

*Giá dịch vụ Ngân hàng giám sát (**)*

Giá Dịch vụ Ngân hàng giám sát là 0,02%/năm trên Tổng giá trị Tài sản Ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 10.000.000 VND (Mười triệu đồng) một tháng. Giá Dịch Vụ Ngân Hàng Giám Sát được tính toán và cộng dồn hàng kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân Hàng Giám Sát.

Giá Dịch vụ Ngân hàng giám sát = 0,02% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

*Giá dịch vụ Lưu Ký (**)*

Giá Dịch vụ lưu ký là 0,04%/năm trên Tổng giá trị Tài sản Ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 10.000.000 VND (Mười triệu đồng) một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Giá Dịch vụ lưu ký = 0,04% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Mức giá dịch vụ lưu ký và giám sát sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của luật hiện hành.

Mức giá trên không bao gồm các phí/ giá dịch vụ thông thường khác như giá dịch vụ Ngân hàng lưu ký phải trả cho bên thứ ba như Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, giá dịch vụ giao dịch chứng khoán, phí/giá sửa lệnh..., cụ thể:

Giá dịch vụ lưu ký xử lý giao dịch: 150.000 VND/1 giao dịch/1 mã chứng khoán/1 ngày.

*Giá dịch vụ quản trị quỹ (**)*

Giá dịch vụ quản trị Quỹ là 0,03%/năm trên Tổng giá trị Tài sản Ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 10.000.000 VND (Mười triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ quản trị Quỹ được tính toán và cộng dồn hàng kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho bên cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ quản trị quỹ = 0,03% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

(*) Theo thông báo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB về mức giá dịch vụ áp dụng cho các quỹ hưu trí trong chương trình hưu trí bổ sung tự nguyên được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB: được miễn phí cho đến khi được thay thế bằng văn bản khác.

(**) Giá dịch vụ giám sát, Giá dịch vụ lưu ký và Giá dịch vụ Quản trị Quỹ được áp dụng kể từ năm thứ tư tính từ ngày Quỹ chính thức hoạt động. Kể từ ngày 22 tháng 09 năm 2024, Quỹ bắt đầu chịu các khoản phí này.

Giá dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân

Giá dịch vụ quản trị tài khoản hưu trí cá nhân bao gồm giá dịch vụ cố định hàng tháng. Mức giá dịch vụ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và các số tiền khác như giá dịch vụ gửi thư cho Người tham gia quỹ, giá dịch vụ cung cấp thông tin đặc thù theo yêu cầu hoặc các công việc khác. Chi tiết mức giá dịch vụ như sau:

- 15.000.000 VND/tháng cho quỹ có số lượng tài khoản dưới 30.000 tài khoản;
- 20.000.000 VND/tháng cho quỹ có số lượng tài khoản từ 30.000 tài khoản đến 50.000 tài khoản;
- 25.000.000 VND/tháng cho quỹ có số lượng tài khoản trên 50.000 tài khoản;
- Cung cấp danh sách người sở hữu: 1.000.000 VND/ lần lập danh sách.

Chi phí kiểm toán

Phí kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với công ty kiểm toán và sẽ được xác định khi ký kết hợp đồng kiểm toán.

2.13 . Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ được trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

2.14 . Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ không được thể hiện trong Báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

2.15 . Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế

Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận của Quỹ.

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức khi thực hiện Lệnh chi trả.

Đối với khoản đóng góp: Theo quy định của pháp luật về thuế hiện hành, chi phí được trừ vào thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần đóng góp vào chương trình hưu trí của người sử dụng lao động cho người lao động tối đa 03 triệu VND/người/tháng; mức đóng được trừ ra khoản thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập cá nhân tối đa 01 triệu VND/tháng.

Đối với khoản chi trả:

- Người lao động nhận chi trả sau khi đủ tuổi nghỉ hưu và nhận chi trả hàng tháng trong thời gian ít nhất 120 tháng thì được miễn hoàn toàn thuế thu nhập cá nhân;
- Người lao động nhận chi trả khi chưa đủ tuổi nghỉ hưu hoặc nhận chi trả trong thời gian ít hơn 120 tháng khi đủ tuổi nghỉ hưu thì áp dụng mức thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật về thuế tại thời điểm chi trả.

Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại Chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước.
Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước.

2.16. Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

3. CỐ TỨC, TRÁI TỨC ĐƯỢC CHIA

	<u>Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026</u>	<u>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025</u>
	VND	VND
Lãi trái phiếu	1.905.112.270	1.214.690.256
	<u>1.905.112.270</u>	<u>1.214.690.256</u>

4. TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	<u>Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026</u>	<u>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.165.481.599	1.127.259.789
	<u>2.165.481.599</u>	<u>1.127.259.789</u>

5 . CHÊNH LỆCH TĂNG, GIẢM ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026					
	Giá trị mua theo sổ kế toán tại ngày 30/06/2026 (VND)	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày 30/06/2026 (VND)	Chênh lệch đánh giá lại ngày 30/06/2026 (kỳ NAV)(VND)	Chênh lệch đánh giá lại ngày 31/12/2025 (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán kỳ này (kỳ NAV) (VND)
Trái phiếu niêm yết	103.409.145.984	104.199.083.817	789.937.833	(99.491.367)	889.429.200
Chứng chỉ quỹ	16.867.680.000	22.877.355.877	6.009.675.877	5.346.875.373	662.800.504
	120.276.825.984	127.076.439.694	6.799.613.710	5.247.384.006	1.552.229.704

Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025					
	Giá trị mua theo sổ kế toán tại ngày 30/06/2025 (VND)	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày 30/06/2025 (VND)	Chênh lệch đánh giá lại ngày 30/06/2025 (kỳ NAV)(VND)	Chênh lệch đánh giá lại ngày 31/12/2024 (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán kỳ này (kỳ NAV) (VND)
Trái phiếu niêm yết	65.096.727.930	65.201.177.356	104.449.426	(20.070.058)	124.519.484
Chứng chỉ quỹ	14.967.680.000	18.445.426.581	3.477.746.581	1.906.039.868	1.571.706.713
	80.064.407.930	83.646.603.937	3.582.196.007	1.885.969.810	1.696.226.197

6 . CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Phí giao dịch mua trái phiếu	2.375.483	1.235.645
	2.375.483	1.235.645

7 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Phí ngân hàng	915.409	836.000
	915.409	836.000

8 . TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2026</u>	<u>31/12/2025</u>
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ	72.994.680	2.181.668.447
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ	59.000.000	56.000.000
Tiền thanh toán bán chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư	-	311.212.785
	<u>131.994.680</u>	<u>2.548.881.232</u>

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN

	Chênh lệch đánh giá lại				Giá trị đánh giá lại
	Giá mua	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý cuối kỳ	Chênh lệch đánh giá		
			tăng	giảm	
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2026					
Trái phiếu niêm yết	103.409.145.984	104.199.083.817	813.407.014	(23.469.181)	104.199.083.817
Chứng chỉ quỹ	16.867.680.000	22.877.355.877	6.009.675.877	-	22.877.355.877
	<u>120.276.825.984</u>	<u>127.076.439.694</u>	<u>6.823.082.891</u>	<u>(23.469.181)</u>	<u>127.076.439.694</u>
Tại ngày 31/12/2025					
Trái phiếu niêm yết	83.845.354.388	83.745.863.021	-	(99.491.367)	83.745.863.021
Chứng chỉ quỹ	15.567.680.000	20.914.555.373	5.355.126.401	(8.251.028)	20.914.555.373
	<u>99.413.034.388</u>	<u>104.660.418.394</u>	<u>5.355.126.401</u>	<u>(107.742.395)</u>	<u>104.660.418.394</u>



10 . CÁC KHOẢN PHẢI THU

	<u>30/06/2026</u>	<u>31/12/2025</u>
	VND	VND
Dự thu tiền lãi - Trái phiếu niêm yết	2.165.251.619	2.545.800.245
Dự thu lãi tiền gửi	2.211.547.604	1.891.365.148
	<u>4.376.799.223</u>	<u>4.437.165.393</u>

11 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>30/06/2026</u>	<u>31/12/2025</u>
	VND	VND
Chi phí kiểm toán	19.835.616	20.000.000
	<u>19.835.616</u>	<u>20.000.000</u>

12 . PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ

	<u>30/06/2026</u>	<u>31/12/2025</u>
	VND	VND
Phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	59.000.000	56.000.000
	<u>59.000.000</u>	<u>56.000.000</u>

Phải trả cho Nhà đầu tư Quỹ về mua chứng chỉ Quỹ thể hiện số tiền nhận được từ Nhà đầu tư về mua chứng chỉ Quỹ hợp lệ và chờ phát hành.

13 . PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA LẠI CHỨNG CHỈ QUỸ

	<u>30/06/2026</u>	<u>31/12/2025</u>
	VND	VND
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	-	311.212.785
	<u>-</u>	<u>311.212.785</u>

Phải trả cho Nhà đầu tư Quỹ về mua lại chứng chỉ Quỹ thể hiện số tiền phải trả cho Nhà đầu tư chờ thanh toán theo thời hạn T+5 sau ngày giao dịch.

14 . PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ

	<u>30/06/2026</u>	<u>31/12/2025</u>
	VND	VND
Phải trả phí dịch vụ lưu ký	10.167.790	50.627.458
Phải trả phí dịch vụ giám sát	11.000.000	55.000.000
Phải trả phí dịch vụ quản trị	11.000.000	55.000.000
Phải trả phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	16.500.000	16.500.000
	<u>48.667.790</u>	<u>177.127.458</u>

15 . TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2024	Phát sinh	30/06/2025
	VND	trong kỳ	VND
		VND	VND
Từ 31/12/2024 đến 30/06/2025			
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	9.535.909,92	1.711.840,52	11.247.750,44
Giá trị tài sản ròng/CCQ phát hành	10.940	12.085	11.114
Giá trị ghi theo mệnh giá	95.359.099.200	17.118.405.200	112.477.504.400
Thặng dư vốn	8.963.802.370	3.568.871.504	12.532.673.874
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	104.322.901.570	20.687.276.704	125.010.178.274
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	766.123,30	122.032,38	888.155,68
Giá trị tài sản ròng/CCQ mua lại bình quân	11.369	12.185	11.481
Giá trị ghi theo mệnh giá	7.661.233.000	1.220.323.800	8.881.556.800
Thặng dư vốn	1.048.944.860	266.646.858	1.315.591.718
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	8.710.177.860	1.486.970.658	10.197.148.518
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	8.769.786,62	1.589.808,14	10.359.594,76
Giá trị vốn góp hiện hành	95.612.723.710	19.200.306.046	114.813.029.756
Lợi nhuận chưa phân phối	9.357.739.969	3.723.449.116	13.081.189.085
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	104.970.463.679		127.894.218.841
Giá trị tài sản ròng trên 1 CCQ	11.970		12.345
Từ 31/12/2025 đến 30/06/2026			
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	13.994.154,55	2.977.073,81	16.971.228,36
Giá trị tài sản ròng/CCQ phát hành	11.415	12.897	11.675
Giá trị ghi theo mệnh giá	139.941.545.500	29.770.738.100	169.712.283.600
Thặng dư vốn	19.796.090.609	8.626.026.738	28.422.117.347
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	159.737.636.109	38.396.764.838	198.134.400.947
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	1.353.705,78	294.748,80	1.648.454,58
Giá trị tài sản ròng/CCQ mua lại bình quân	11.899	12.927	12.083
Giá trị ghi theo mệnh giá	13.537.057.800	2.947.488.000	16.484.545.800
Thặng dư vốn	2.570.234.712	862.690.201	3.432.924.913
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	16.107.292.512	3.810.178.201	19.917.470.713
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	12.640.448,77	2.682.325,01	15.322.773,78
Giá trị vốn góp hiện hành	143.630.343.597	34.586.586.637	178.216.930.234
Lợi nhuận chưa phân phối	17.458.363.487	5.307.778.557	22.766.142.044
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	161.088.707.084		200.983.072.278
Giá trị tài sản ròng trên 1 CCQ	12.744		13.117

16 . LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	30/06/2026 VND	31/12/2025 VND
Lợi nhuận đã thực hiện	15.966.528.334	12.210.979.481
Lợi nhuận chưa thực hiện	6.799.613.710	5.247.384.006
	22.766.142.044	17.458.363.487

17 . MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH QUỸ

Chỉ tiêu	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
Tỷ lệ chi phí hoạt động (%)	0,35%	0,54%
Tốc độ vòng quay danh mục (%)	5,75%	4,96%

Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí là: Tỷ lệ đánh giá chi phí Quỹ tính cho 1 đơn vị giá trị tài sản ròng.

Tỷ lệ chi phí hoạt động (%) = Tổng chi phí hoạt động*100 (%) / Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ.

Những chi phí không bao gồm tính trong chi phí hoạt động của Chỉ tiêu Tỷ lệ chi phí hoạt động, gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái của Quỹ (Bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các Nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp (Thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả Thuế Nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán Chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán Chứng chỉ quỹ.

Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ trong 1 kỳ.

Tốc độ vòng quay danh mục (%) = (Tổng giá trị mua trong kỳ + Tổng giá trị bán trong năm)/2 *100 (%) / Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ.

18 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quỹ có các khoản đầu tư vào chứng chỉ quỹ không niêm yết, các khoản phải thu, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho nhà đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro, Ban Đại diện Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Đại diện Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản chứng khoán đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền và tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Để hạn chế những rủi ro về lãi suất có thể làm ảnh hưởng tới giá trị đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên phân tích, đánh giá các điều kiện kinh tế vĩ mô, xu hướng vận động của thị trường và kỳ vọng lãi suất trong từng giai đoạn để có các quyết định phân bổ tài sản phù hợp. Đối với phần tài sản phân bổ vào trái phiếu, Quỹ sẽ giữ kỳ hạn của các trái phiếu một cách phù hợp tương ứng với các kỳ vọng về lãi suất.

Rủi ro tiền tệ

Quỹ không có rủi ro tiền tệ do trong kỳ, Quỹ không thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ.

Rủi ro về giá trái phiếu niêm yết

Các trái phiếu đã niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các khoản đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá trái phiếu niêm yết bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Đại diện của Quỹ xem xét và phê duyệt tất cả các quyết định đầu tư vào trái phiếu niêm yết.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính của mình.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh toán, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Ban Đại diện cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

19 . XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 như sau:

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
1	08/01/2025	104.738.990.932	8.769.786,62	11.943	(27)
2	22/01/2025	107.824.615.987	9.009.571,58	11.968	25
3	31/01/2025	108.574.853.517	9.048.633,65	11.999	31
4	12/02/2025	108.956.016.815	9.048.633,65	12.041	42
5	26/02/2025	112.474.226.690	9.289.024,05	12.108	67
6	28/02/2025	112.463.782.828	9.289.024,05	12.107	(1)
7	12/03/2025	112.990.392.285	9.289.024,05	12.164	57
8	26/03/2025	116.098.703.617	9.557.830,22	12.147	(17)
9	31/03/2025	116.214.827.751	9.580.339,60	12.131	(16)
10	09/04/2025	114.225.915.159	9.580.339,60	11.923	(208)
11	23/04/2025	118.355.386.482	9.827.198,80	12.044	121
12	30/04/2025	119.272.929.704	9.866.753,15	12.088	44
13	31/05/2025	123.515.228.829	10.082.066,87	12.251	163
14	11/06/2025	123.564.965.119	10.082.066,87	12.256	5
15	25/06/2025	127.415.040.384	10.326.650,37	12.338	82
16	30/06/2025	127.894.218.841	10.359.594,76	12.345	7

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ

116.555.086.858

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ

- Mức thấp nhất trong kỳ

1

- Mức cao nhất trong kỳ

208

Giá trị tài sản ròng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 như sau:

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
1	07/01/2026	161.335.659.057	12.640.448,77	12.763	
2	21/01/2026	167.151.000.795	13.021.494,87	12.837	74
3	31/01/2026	167.556.927.700	13.056.790,08	12.833	(4)
4	11/02/2026	167.285.183.413	13.056.790,08	12.812	(21)
5	25/02/2026	173.518.674.651	13.473.800,20	12.878	66
6	28/02/2026	173.772.234.410	13.464.450,50	12.906	28
7	11/03/2026	172.937.345.755	13.464.450,50	12.844	(62)
8	25/03/2026	178.810.991.672	13.904.705,63	12.860	16
9	31/03/2026	179.474.684.832	13.936.527,93	12.878	18
10	08/04/2026	179.388.393.573	13.936.527,93	12.872	(6)
11	22/04/2026	186.615.877.636	14.421.535,52	12.940	68
12	30/04/2026	186.841.974.725	14.429.993,44	12.948	8

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
13	13/05/2026	187.468.309.598	14.429.993,44	12.992	44
14	27/05/2026	193.769.965.024	14.851.818,07	13.047	55
15	31/05/2026	194.305.242.462	14.893.097,96	13.047	-
16	10/06/2026	194.543.143.444	14.893.097,96	13.063	16
17	24/06/2026	200.984.092.582	15.351.009,40	13.093	30
18	30/06/2026	200.983.072.278	15.322.773,78	13.117	24

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	181.507.855.059
Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ	-
- Mức thấp nhất trong kỳ	-
- Mức cao nhất trong kỳ	74

20 . SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

	30/06/2026 CCQ	31/12/2025 CCQ
Số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành	15.322.773,78	12.640.448,77

21 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

22 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có phát sinh giao dịch với Quỹ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	Công ty Quản lý Quỹ đầu tư
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	Ngân hàng giám sát
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS)	Bên liên quan của Công ty Quản lý Quỹ
Các thành viên Ban điều hành và Ban đại diện Quỹ	

Quỹ có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND
Phí dịch vụ quản lý, giám sát, quản trị, giao dịch và lưu ký quỹ	195.293.991	193.815.784
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	192.918.508	192.580.139
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS)	2.375.483	1.235.645
Phí ngân hàng	915.409	836.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	915.409	836.000
Lãi tiền gửi	2.853.253	1.852.196
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	2.853.253	1.852.196
Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:	30/06/2026 VND	31/12/2025 VND
Phải trả về phí dịch vụ giám sát, quản trị, giao dịch và lưu ký quỹ	32.167.790	160.627.458
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	32.167.790	160.627.458
Tiền gửi thanh toán và tiền gửi phong tỏa	72.994.680	2.181.668.447
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	72.994.680	2.181.668.447
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng chỉ quỹ	59.000.000	367.212.785
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	59.000.000	367.212.785

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Quỹ đầu tư.

23 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Thu nhập giữa niên độ, Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.



Nguyễn Thị Sao Mai
Người lập



Phạm Thị Thu Hương
Kế toán trưởng



Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
Hà Nội, 29 tháng 07 năm 2026



HÃNG KIỂM TOÁN AASC

AASC TẠI HÀ NỘI - TRỤ SỞ CHÍNH

Tel: (84.24)3824 1990 | Fax: (84.24)3825 3973

Email: aasc@aasc.com.vn

Số 01 Lê Phụng Hiểu, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội, Việt Nam.

AASC TẠI TP HỒ CHÍ MINH

Tel: (84.28) 3945 0505 /0606 | Fax: (84.28)3945 1106

Email: aaschcm@aasc.com.vn

Tầng 03, Tòa nhà Galaxy 9, Số 9 Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hội, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.

AASC TẠI QUẢNG NINH

Tel: (84.2033) 627 571 | Fax: (84.2033)627 572

Email: aascqn@aasc.com.vn

Số 8 Chu Văn An, Phường Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.